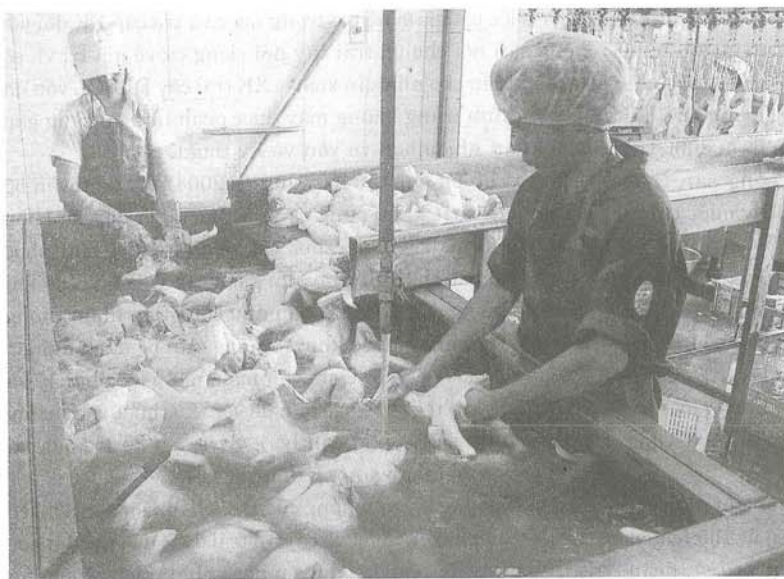


Đầu tư vốn phát triển nông nghiệp – nông thôn theo xu hướng hội nhập quốc tế

Thạc sĩ HOÀNG SỸ KIM

Ảnh Diệp Đức Minh



Nông nghiệp – nông thôn của các quốc gia chậm phát triển, các nền kinh tế chuyển đổi, các nước xuất phát điểm từ chủ yếu là sản xuất nông nghiệp có rất nhiều vấn đề đặt ra khi tham gia thị trường nông sản toàn cầu, cũng như đòi hỏi chính sách vốn đầu tư có những đặc thù mà bản thân Chính phủ cũng như các tổ chức tài chính ngân hàng phải có những hoạch định vừa có tính cụ thể vừa có tính chiến lược lâu dài.

Thực tiễn trong quá trình mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta trong gần 20 năm qua đã chứng tỏ, nền nông nghiệp và kinh tế nông thôn nước ta được hưởng lợi rất nhiều từ quá trình đó, nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức. Từ một quốc gia nhập khẩu

lương thực, VN đã trở thành nước xuất khẩu gạo đứng hàng thứ 2-3 trên thế giới, với sản lượng gạo xuất khẩu đạt khoảng 4,0 triệu tấn trong năm 2005. Các mặt hàng thủy hải sản xuất khẩu cũng có mặt tại nhiều thị trường tiêu thụ lớn trên thế giới, năm 2005 đạt kim ngạch trên 2,6 tỷ USD. Các mặt hàng xuất khẩu khác, như: cà phê, cao su, hạt điều, rau hoa quả, thịt chế biến, hàng thủ công mỹ nghệ, cũng đem lại kim ngạch xuất khẩu lớn cho đất nước. Mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản với kim ngạch ngày càng lớn có vai trò rất quan trọng của các nguồn vốn đầu tư, đặc biệt là nguồn vốn tín dụng ngân hàng. Bên cạnh đó dịch vụ ngân hàng phát triển, nhất là nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối,

thanh toán quốc tế, chuyển tiền.

Tuy nhiên thách thức đặt ra có thể dễ dàng nhìn thấy và khái quát lại. Các sản phẩm nông sản xuất khẩu phải bảo đảm nghiêm ngặt về tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh thực phẩm, điển hình là tiêu chuẩn về bảo đảm dư lượng kháng sinh các mặt hàng tôm khi xuất khẩu vào thị trường EU, Nhật Bản, Mỹ. Với điều kiện giá nhân công rẻ, điều kiện tự nhiên ưu đãi, nên giá thành và giá bán nông sản xuất khẩu của VN thường thấp hơn so với các nhà sản xuất tại nước sở tại, vì vậy dễ xảy ra các vụ kiện thương mại bán phá giá. Vụ kiện tôm và cá Basa xuất khẩu vào thị trường Hoa Kỳ là hai ví dụ tiêu biểu. Thách thức lớn khác cũng dễ dàng nhận thấy đó là diễn biến bất thường về giá cả trên thị trường thế giới. Nếu như giá bán hạ, tiêu thụ khó khăn, ảnh hưởng đến sản xuất và tiêu thụ trong nước. Ngược lại giá xuất khẩu tăng, làm tăng giá thu mua trong nước, gây tác động đến chỉ số tăng giá của nhóm mặt hàng lương thực thực phẩm. Những diễn biến đó tác động không nhỏ đến rủi ro vốn đầu tư nói chung và vốn tín dụng ngân hàng nói riêng.

Thực hiện Nghị quyết của Đảng về đẩy mạnh phát triển nông nghiệp – nông thôn theo xu hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá và hội nhập quốc tế, trong những năm qua Chính phủ, Bộ tài chính và ngành ngân hàng có những chính

sách và biện pháp cụ thể hỗ trợ về vốn cho phát triển lĩnh vực kinh tế này.

Vốn đầu tư

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, chỉ riêng trong giai đoạn 2001 – 2005, các chính sách về khoa học công nghệ cho phát triển nông nghiệp – nông thôn được đầu tư nguồn kinh phí ngân sách 1.009 tỷ đồng. Số vốn đó hỗ trợ cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế NO – NT, tăng năng suất, hạ giá thành, tăng hiệu quả xuất nông nghiệp. Cũng trong giai đoạn 2001 – 2005, ngân sách nhà nước đầu tư cho chương trình giống khoảng 1.900 tỷ đồng; trong đó ngân sách trung ương đầu tư 670 tỷ đồng, ngân sách địa phương đầu tư 1.200 tỷ đồng. Ngoài ra còn có các nguồn vốn khác, các chính sách ưu đãi về thuế, ... Tính chung, tổng vốn đầu tư cho lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp huy động được khoảng 130.000 tỷ đồng, gấp 2 lần thời kỳ 1996- 2000 và chiếm khoảng 13% tổng huy động vốn đầu tư toàn xã hội.

Về vốn nước ngoài, tính đến hết năm 2005, có trên 70 dự án ODA đầu tư hỗ trợ cho nông nghiệp – nông thôn, với số vốn ký kết là 1.406 triệu USD, trong đó có 1.201 triệu USD vốn vay ưu đãi, 205 triệu USD viện trợ không hoàn lại. Bên cạnh đó, tính đến hết năm 2005 có khoảng 746 dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài còn hiệu lực với số vốn hàng chục triệu USD. Cũng trong giai đoạn 2001 – 2005, nước ta đã ký được 3 dự án tín dụng với một số tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế tài trợ cho phát triển nông nghiệp – nông thôn, với số vốn 343 triệu USD; trong đó dự án tín dụng nông thôn I là 113 triệu USD, dự án tín dụng nông thôn II là 200 triệu USD và dự án tín dụng doanh nghiệp vừa và nhỏ là 30 triệu USD.

Về vốn tín dụng ngân hàng, được thực hiện qua hai kênh: tín dụng ngân hàng thương mại cho vay thông thường và tín dụng ngân hàng chính sách.

Về vốn tín dụng cho vay thông thường, do các NHTM Nhà nước, NHTM cổ phần, Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở cho vay.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN có mạng lưới 2.200 chi nhánh và phòng giao dịch phủ kín các địa bàn nông thôn. Ngoài cho vay thông thường, sau khi chuyển giao vốn uỷ thác cho vay hộ nghèo NHNO&PTNT VN vẫn tiếp tục thực hiện cho vay giảm 15% lãi suất đối với vùng II và giảm 30% lãi suất đối với vùng III. Đến hết năm 2005, tổng dư nợ của NHNO&PTNT VN đạt 165.000 tỷ đồng, trong đó cho vay vốn hộ nông dân, kinh tế trang trại, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, dự án nông nghiệp – nông thôn đạt khoảng 120.000 tỷ đồng.

Hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân có bước phát triển bền vững sau chấn chỉnh theo Chỉ thị 57 của Bộ chính trị. Tính đến hết năm 2005, cả nước có 930 Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở, với 1.012.091 thành viên. Tổng nguồn vốn hoạt động đạt 6.812 tỷ đồng, tổng dư nợ 5.944 tỷ đồng. Hầu hết Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở có lãi và số lãi ngày càng lớn. Vốn đầu tư hầu hết là nông nghiệp – nông thôn.

Hệ thống ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn hiện nay có 10 ngân hàng, đối tượng đầu tư vốn cũng chủ yếu là nông nghiệp nông thôn. Bên cạnh đó là các chi nhánh của hệ thống Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long, cũng với dư nợ cho vay chiếm khoảng 50% là đầu tư cho nông nghiệp – nông thôn.

Cạnh tranh hoạt động ngân hàng trong những năm vừa qua, các chi nhánh NHTM khác, như: Ngân hàng công thương, Ngân

hàng đầu tư – phát triển VN, các NHTM cổ phần đô thị cũng mở rộng cho vay kinh tế hộ, đặc biệt là khu vực nuôi trồng, chế biến thủy hải sản, cà phê, cao su, hồ tiêu; rau hoa quả, chăn nuôi lợn, chăn nuôi bò sữa... Tổng dư nợ cho vay NO – NT của các chi nhánh NHTM này đến nay ước tính khoảng 30.000 – 40.000 tỷ đồng.

Hệ thống Ngân hàng chính sách xã hội cho vay vốn các hộ nghèo, cho vay vốn hỗ trợ giải quyết việc làm, hỗ trợ vốn cho người đi xuất khẩu lao động, cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vay vốn học tập. Những đối tượng này cũng hầu hết là nông nghiệp và nông thôn. Tổng dư nợ cho vay của hệ thống ngân hàng chính sách xã hội đến hết năm 2005 đạt 16.500 tỷ đồng.

Như vậy đối với vốn tín dụng ngân hàng đã tập trung một khối lượng vốn rất lớn đầu tư cho nông nghiệp – nông thôn phát triển sản xuất hàng hoá theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá, mở rộng xuất khẩu. Về cơ chế cho vay, trong giai đoạn 2001 – 2005 đánh giá sự chuyển biến quan trọng trong việc thực hiện Quyết định 67 TTg của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, các hộ sản xuất ở nông thôn được vay vốn tới 10 triệu đồng, hộ kinh tế trang trại được vay dưới 20 triệu đồng, hộ nuôi trồng giống thủy sản được vay dưới 50 triệu đồng, không phải thế chấp tài sản. Các hộ thành viên vay vốn của Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở được vận dụng cơ chế cho vay linh hoạt.

Yếu kém

Mặc dù đa dạng hoá các kênh đầu tư vốn, huy động tổng hợp các nguồn vốn đầu tư và đạt được khối lượng vốn đầu tư lớn trong những năm gần đây, nhưng theo đánh giá của Ủy ban thường vụ Quốc hội khi thực hiện giám sát thực hiện các chính sách hỗ trợ nông nghiệp –

nông thôn giai đoạn 2001 – 2005 được công bố, thì có 3 yếu kém trong lĩnh vực này:

Thứ nhất, các chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, khoa học công nghệ, hỗ trợ vốn, tín dụng nhà nước, chính sách việc làm, thị trường nông sản và việc

khả năng cạnh tranh chưa cao, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ còn hạn chế. Khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng và các tầng lớp dân cư có xu hướng tăng. Môi trường nông thôn ít được cải thiện, tiếp tục ô nhiễm, suy thoái,...

Đánh giá riêng về vốn tín



xây dựng quan hệ sản xuất ở nông thôn có nhiều tồn tại và không đáp ứng được yêu cầu của mục tiêu phát triển.

Thứ hai, tăng trưởng GDP toàn ngành NO – NT thấp, chỉ đạt bình quân 5,4%/năm so với mức tăng trưởng GDP của nền kinh tế trong cùng thời kỳ 2001 – 2005 là trên 7,5%/năm. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp – nông thôn còn chậm, mỗi năm trung bình chỉ giảm được 1%. Tỷ trọng giá trị sản xuất nông lâm ngư nghiệp trong cơ cấu kinh tế nông thôn vẫn còn cao, chiếm hơn 70%. Tỷ lệ lao động nông nghiệp vẫn chiếm 59-60% lao động cả nước. Tăng trưởng tín dụng nhanh nhưng mới đáp ứng 40% nhu cầu vay vốn của NO – NT. Hơn 70% hộ nông dân vay vốn bị vướng mắc các quy định thế chấp, thu hồi nợ.

Thứ ba, năng suất, chất lượng nhiều loại nông phẩm vẫn thấp,

dụng ngân hàng, thì hiện nay nguồn vốn cho vay hạn chế. Nhiều Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở có điều kiện mở rộng cho vay có hiệu quả đối với các hộ thành viên nhưng thiếu vốn để cho vay. Các chi nhánh NHNO&PTNT huyện, thị xã cũng ở trong tình trạng tương tự, vốn huy động tại chỗ rất khó khăn, chủ yếu trông chờ vào vốn hỗ trợ, vốn điều hoà của hội sở, những cùng chỉ đáp ứng được mức độ giới hạn. Lãi suất cho vay khu vực NO – NT còn cao, tới 1,35%/tháng, hay gần 16%/năm. Cơ chế xử lý rủi ro cho vay tín dụng NO – NT chưa được xử lý kịp thời và thiếu linh hoạt.

Giải pháp

Một là, có biện pháp tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ các dự án ODA, dự án tín dụng quốc tế tài trợ NO – NT đang được bán buôn vốn, được giải ngân vốn

thông qua các NHTM và nên mở rộng qua các Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở.

Hai là, đàm phán với các nhà tài trợ quốc tế để họ tin tưởng và chấp thuận chuyển giao vốn tài trợ đối giảm nghèo, vốn hỗ trợ cho các mục tiêu xã hội, môi trường khác qua một đầu mối là Ngân hàng chính sách xã hội VN.

Ba là, có chính sách giảm thuế, hoặc chính sách thuế ưu đãi cho hoạt động tín dụng nông nghiệp – nông thôn. Nên áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 0% cho các TCTD hoạt động đầu tư vốn cho NO – NT. Song ngược lại có cơ chế để số thuế ưu đãi đó phải thúc đẩy mở rộng tín dụng hộ sản xuất nông nghiệp – nông thôn và thúc đẩy giảm lãi suất, xử lý rủi ro cho các hộ vay khi gặp thiên tai, dịch bệnh.

Bốn là có đánh giá cụ thể hơn, sát hơn các nguồn vốn ngân sách các cấp đầu tư cho NO – NT, để tránh tư tưởng chủ quan, duy chí của nhiều địa phương đầu tư các dự án theo kiểu phong trào, như: cà phê, bò sữa, mía đường,... gây lãng phí vốn ngân sách nhà nước.

Năm là, đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại nói chung và thương mại xuất khẩu nông sản thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ nói riêng, góp phần thúc đẩy phát triển NO – NT theo hướng hội nhập một cách bền vững.

Kết hợp hài hoà các nguồn vốn, vốn ngân sách đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, thực hiện công tác khuyến nông, khuyến lâm và hỗ trợ đầu tư các cơ sở chế biến, mở rộng tiếp cận của hộ nông dân với các kênh tín dụng chính thức của nhà nước, kênh tài trợ quốc tế, mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản,... sẽ tạo cơ sở vững chắc cho nông nghiệp – nông thôn nước ta phát triển theo hướng hội nhập theo các mục tiêu được đề ra ■